

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Hiếu;

Bà Nguyễn Thị Mụi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 09, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Thành Đ, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 09, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà và ông Đ có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng từ thời điểm năm 2010 cho đến nay ông Đ đã thay đổi hoàn toàn không còn như trước mà thay vào đó là những lần tụ tập bạn bè ăn nhậu

dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, hơn nữa ông Đ lại có tính ghen tuông và thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm và đe dọa bà nên ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay bà N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Thành Đ. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tuấn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005 và Phan Thị Mỹ C, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012, hiện hai cháu đang sống với bà N nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Thành Đ trình bày: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân hai ông bà chung sống với nhau từ năm 2004 không đăng ký kết hôn và cũng thống nhất về con chung. Hai ông bà tuy đang sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà N mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tuấn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005 và Phan Thị Mỹ C, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012, hiện hai cháu đang sống với ông bà. Ông Đ yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về những nội dung sau:*

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà N ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nên bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông Đ.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có 02 con chung tên Phan Tuấn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005 và Phan Thị Mỹ C, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012. Bà N và ông Đ đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị N và bị đơn ông Phan Thành Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Bà N khởi kiện xin ly hôn ông Đ, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà N và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà N yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Đ còn ông Đ thì không đồng ý ly hôn với lý do còn tình cảm với bà N nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bà N trình bày lý do vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, là vì trong thời gian bà mang thai bé C thì ông Đ đã bỏ nhà đi Bình Dương cùng với người phụ nữ khác được một thời gian thì quay về chung sống với bà từ đó bà quyết định ly thân với ông Đ, ngoài ra ông Đ luôn theo dõi tất cả mối quan hệ của bà, luôn ghen tuông vô cớ nên vợ chồng mâu thuẫn và ly thân. Ông Đ thì cho rằng vì bà N không tôn trọng tình cảm vợ chồng thường xuyên có khoảng cách và không cho ông gần gũi nên ông đã làm cho bà N tổn thương với hành vi nêu trên. Ông Đ trình bày thêm bà N thường xuyên tham gia cờ bạc và hay lén lút nghe điện thoại nên ông mới ghen. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 01 năm 2018 do Ban nhân dân ấp A, xã L cung cấp thông tin thì “Hiện tại vợ chồng bà N và ông Đ vẫn còn sống chung một nhà nhưng đã ly thân được ba đến bốn năm nay còn lý do mâu thuẫn thì không rõ, đặt biệt ông Đ là người có tính hay ghen tuông”. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn. Ông Đ và bà N đã ly thân trong một thời gian dài, nhưng hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, hai ông bà luôn đặt nặng khuyết điểm của nhau thay vì dùng tình cảm để tha thứ cho khuyết

điểm của đôi phương. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị N với ông Phan Thành Đ.

- Về con chung: Bà N và ông Đ có 02 người con chung tên Phan Tuấn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005 và Phan Thị Mỹ C, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012. Cả hai ông bà đều có nguyện vọng được nuôi hai con nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2018 thì em Phan Tuấn V có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn thì em có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ và em gái vì hiện nay hai em đang sống chung với mẹ. Nhằm tạo điều kiện cho các cháu ổn định tâm lý cũng như môi trường học tập hơn nữa cháu Phan Thị Mỹ C lại là bé gái còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ để định hướng cho em phát triển về mọi mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà N được tiếp tục nuôi hai cháu Phan Tuấn V và Phan Thị Mỹ C, ông Đ không phải cấp dưỡng việc nuôi con chung. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông Đ thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0018233 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị N và ông Phan Thành Đ.

- Về con chung: Bà Võ Thị N được tiếp tục nuôi hai cháu Phan Tuấn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005 và Phan Thị Mỹ C, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012, ông Đ không phải cấp dưỡng việc nuôi con chung. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông Đ thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị N chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0018233 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu